

过丁裴二公庙

维言丁帝後孙人
聚得千餘隱谷嶙
粮少安能持计久
才疏岂可设谋真
李家若见初衰兆
芦邑难图唤义民
山下苔封存一庙
四时香火记先恩

QUẢ ĐÌNH, BÙI NHỊ CÔNG MIẾU

Tuy ngôn Đình đế hậu tôn nhân
Cầu đắc thiên dư ẩn Cốc lân
Lương thiếu an năng trì kế cửu
Tài sơ khởi khả thiết mưu chân
Lý gia nhược kiến sơ suy triệu
Lư áp nan đồ hoán nghĩa dân
Sơn hạ đài phong tồn nhất miếu
Tứ chơi hương hóa ký tiên ân

Dịch nghĩa

QUA NGÔI MIẾU THỜ HAI ÔNG ĐÌNH, BÙI⁽¹⁾

Dù nói rằng là cháu chắt dòng dõi của Vua Đình
Chiêu dụ được hơn ngàn người trú ẩn tại nơi làng Cốc
Do lương ít thì làm sao gìn giữ được bên lâu
Lại kém tài nghĩ sao ra mẹo giỏi
Tuy nhà Lý đã thấy vẻ suy vi
Nhưng còn khó kêu gọi dân tình khôi phục lại làng Lư
Nay dưới núi rêu phong hãy còn ngôi miếu
Bốn mùa khói nhang ý nhớ về thuở trước

Dịch thơ

QUA NGÔI MIẾU THỜ HAI ÔNG ĐÌNH, BÙI

Tuy rằng hậu duệ vua Đình
Làng Cốc tụ nghĩa ẩn mình ngàn quân
Kế dài, lương ít gian truân
Tài nông sao nghĩ mưu thần, mẹo sâu
Triều Lý dẫn nhạt nhiệm mầu
Cũng khó khôi phục cơ cầu làng Lư
Dưới núi rêu phủ linh từ
Ồn sâu thuở trước bốn mùa khói nhang

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Làng Cốc thuộc Khả Phong, Thụy Lôi, Kim Bảng, Hà Nam, có miếu thờ từ thời Trần, thờ hai ông họ Đình và họ Bùi hai tướng thuộc dòng dõi của Vua Đình Tiên Hoàng, nhân cơ hội cuối triều Lý sa sút, định chiêu binh nổi dậy khôi phục cơ đồ nhà Đình, nhưng không thành và bị nhà Lý đàn áp phải thất bại.

夜山海神

亦为雄氏外孙来
怕落他人日挂怀
粤族貉欧归一统
南天山水出同涯
逐秦妙法兵威振
抗赵无图阱陷灾
陈败斜阳沉夜海
上颁国祭有封台

ĐẠ SƠN HẢI THẦN

Diệc vi Hùng thị ngoại tôn lai
Pha lạc tha nhân nhật quái hoài
Việt tộc Lạc, Âu quy nhất thống
Nam thiên sơn thủy xuất đồng nhai
Trục Tần diêu pháp binh uy chấn
Kháng Triệu vô đồ lĩnh hãm tai
Trận bại tà dương trản dạ hải
Thượng ban quốc tế hữu phong đài

Dịch nghĩa

THẦN BIỂN ĐẠ SƠN

Ông vốn là cháu ngoại của Vua Hùng
Luôn đề phòng cơ đồ lọt vào tay kẻ khác
Nên đã khiến cho Âu Việt - Lạc Việt đều về một mối
Dù núi hay sông cùng chung một cõi trời Nam
Bây kẻ chống Tần đã oai phong lừng lẫy
Nhưng đánh Triệu lại lọt vào bẫy giặc
Đàn thua trận chạy về bờ biển lúc hoàng hôn
Sau có sắc vua ban lệ quốc tế, nay chỗ đất còn đây gọi là:
“Thượng phong đài”

Dịch thơ

THẦN BIỂN ĐẠ SƠN⁽¹⁾

Cũng là cháu ngoại của Vua Hùng
Vì sợ cơ đồ lọt kẻ hung
Âu Lạc ra tay quy một mối
Nước non kéo lại mái nhà chung
Đuổi Tần binh pháp ai so nổi
Chống Triệu⁽²⁾ đầu ngờ bị thế cùng
Thua trận chiều hôm về biển cả
Trên ban quốc tế có đài phong

Dương Văn Vượng dịch

(1) Đền thờ Thục Phán ở núi Mộ Dạ, Diễn Châu, Nghệ An, thường gọi là đền Công có lệ quốc tế và lệ rước Vua đi quanh làng để xem dân tình.

(2) Chống giặc Triệu Đà.

擎天大王

欲杀黎桓在水湄
一千弓弩亦雄师
江边二翼诚良策
林内三英置老椎
天不顾丁头未死
地无处隐义难支
如今五百人犹奉
李赠惊天岂过推

KINH THIÊN ĐẠI VƯƠNG

Dục sát Lê Hoàn tại thủy my
Nhất tiên cung nỗ diệt hùng sư
Giang biên nhị dực thành lương sách
Lâm nội tam anh trí lão chùy
Thiên bát cố Đinh đầu vị tử
Địa vô xứ ẩn nghĩa nan chi
Như kim ngũ bách nhân do phụng
Lý tặng Kinh Thiên khởi quá suy

Dịch nghĩa

KÍNH THIÊN ĐẠI VƯƠNG

Muốn giết Lê Hoàn ở bãi sông
Dùng ngàn quân cung nỗ thì cũng là đội quân mạnh
Chia ra đóng bãi sông hai cánh kẹp lại thực là mẹo giỏi
Trong rừng có ba tướng góp sức cũng là tay lão luyện
Nhưng do trời không ngoảnh lại với họ Đinh nên tên đầu
sỏ không chết

Dịch nghĩa

KINH THIÊN ĐẠI VƯƠNG⁽¹⁾

Muốn giết Lê Hoàn ở bãi sông
Một ngàn binh sỹ thật oai phong
Đôi bờ hai cánh thành mưu sách
Rừng rậm, ba quan quyết một lòng
Trời lánh họ Đinh, giặc chẳng chết
Đất không nơi ẩn, nghiệp đi tong
Năm trăm năm trải, dân thờ phụng
Danh hiệu “Kinh Thiên” triều Lý phong

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Kinh Thiên đại vương: Theo thần tích đền thờ thôn Hương Tảo xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thì ông là Nguyễn Đức Huy, tướng của Trần Lâm chỉ huy quân cung nỗ phục ở bờ sông Nghị nơi gần chợ Búng để nhằm hạ sát Lê Hoàn, nhưng không thành sự.

Kinh Thiên đại vương: vị đại vương chống trời. Tại đền quê của Kinh Thiên có câu đối của Bảng nhãn Lê Quý Đôn: Anh hùng sự nghiệp thiên niên ngưỡng. Trung nghĩa tâm điển vạn thế tôn.

金棕寨

邓公据此设军营
御贼惟图建义声
三百船艘非小力
八千人马可为城
每见东风起
搥笏常闻北炮轰
不守天机将已白
金棕抱恨气难平

KIM TÔNG TRẠI

Đặng Công cứ thủ thiết quân doanh
Ngự tặc duy đồ kiến nghĩa thanh
Tam bách thuyền suu phi tiểu lực
Bát thiên nhân mã khả vi thành
Khiêu nghiêu mỗi kiến đông phong khởi
Quốc lịch thường văn bắc pháo thanh
Bất thu thiên cơ tương dĩ bạch
Kim Tông bảo hạm khí nan bình

Dịch nghĩa

TRẠI KIM TÔNG

Ông Đặng chốt ở đây, đích thân chỉ huy một đạo quân
Chống giặc cốt để nêu lên việc nghĩa
Ba trăm thuyền chiến không phải là sức nhỏ
Tám ngàn binh mã đủ có thể dựng nên tòa thành ngăn chặn
Mà trong lòng không yên mỗi khi thấy gió đông thổi lại
Tim hồi hộp khi nghe tiếng súng giặc phương Bắc vọng về
Cái cơ thất thủ nghe chừng đã rõ
Mối hờn đất Kim tông lại thỗ thức không dẹp yên đi được

Dịch thơ

TRẠI KIM TÔNG⁽¹⁾

Đây chốn Đặng Dung lập chiến doanh
Giết thù, việc nghĩa trọn thanh danh
Ba trăm thuyền trận đâu là nhỏ
Tám ngàn binh mã dựng nên thành
Bối rối nổi lòng cơn gió thổi
Bàng hoàng súng giặc tim đập nhanh
Cơ trời thất thủ chừng đã rõ
Đau hận Kim Tông vết chẳng lành

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền Trại Kim Tông, được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích lịch sử, nằm ở thôn Ngọc Trại, xã Yên Trị, huyện Ý Yên. Đền có Thần tích do nhà Sử học Lê Quý Đôn viết vào thời Cảnh Hưng, nội dung viết về tướng quân Đặng Dung có đóng quân ở cửa Phúc thành để chống nhau với quân Minh. Nay gọi là đền Mờm (dầu yên ngựa).

邓公故宅祠

久慕今天始至祠
前年功业见于斯
五间南何风光好
一世雄心石记书
故国山河新帝复
当时仇恨望公舒
古来已定分茅处
北寇何能强破坎

ĐẶNG CÔNG CỔ TRẠCH TỬ

Cửu mộ kim thiên thủy chí từ
Tiền niên công nghiệp kiến ư tư
Ngũ gian nam hướng phong quang hảo
Nhất thế hùng tâm thạch ký thư
Cố quốc sơn hà tân đế phục
Đương thì thù hận vọng công舒
Cổ lai dĩ định phân mao xứ
Bắc khấu hà năng cường phá dư

Dịch nghĩa

ĐỀN THỜ NƠI Ở CŨ CỦA ÔNG ĐẶNG ⁽¹⁾

Mến mộ tiếng ngài đã lâu rồi mà nay mới tới đền
Sự nghiệp công lao thuở trước chỉ có thể này ư?
Năm gian nhà phía Nam phong cảnh đẹp
Một đời anh hùng còn ghi trên bia đá
Non sông nước cũ ngày nay có vua khôi phục
Cái hận ngày ấy của ngài cũng được rửa rồi
Xưa nay đã phân định rõ ràng nơi núi phân mao⁽²⁾
Bọn giặc kia sao có thể cưỡng xóa đi được

Dịch thơ

ĐỀN THỜ ÔNG ĐẶNG DŨNG NƠI QUÊ CŨ

Biết lâu, nay tới miếu Ngài
Thuở xưa sự nghiệp phôi phai thế này
Hướng nam phong cảnh là đây
Anh hùng bia khắc chỉ đây ngàn thu
Giang sơn sạch bóng quân thù
Ngày xưa mối hận tẩy trừ đã xong
Truyền đời phân định non sông
Giặc kia há lại đem lòng cướp đi?

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền thờ Can Lộc, Hà Tĩnh: Được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích

(2) Phân mao lĩnh: Núi phân mao, tương truyền nơi có cỏ mao chia đôi, chỉ ranh giới Bắc quốc và nước ta.

赵中

南方寻至辅陈家
为恨元朝政迹苛
由礼伏兵开前雨
行仁半伐冒刀罗
高堂作室初来隐
下户回居望德歌
每见私人留谱内
皆传赵将有功多

TRIỆU TRUNG

Nam phương tâm chí phụ Trần gia
Vị hận Nguyên triều chính tích hà
Do Lê phục binh khai tiền vũ
Hành nhân bán phạt mạo đao la
Cao Đường tác thất sơ lai ẩn
Hạ Hộ hồi cư vọng đức ca
Mỗi kiến tư nhân lưu phả nội
Giai truyền Triệu tướng hữu công đa

Dịch nghĩa

ĐỀN THỜ TRIỆU TRUNG

Tìm đến phương Nam đi giúp nhà Trần
Vì giận quân Nguyên có chính lệnh hà khắc
Phục quân ở Do Lê làm trận mưa tên
Chặn đánh tại Hành Nhân, xông pha trong lưới gươm đao
Lấy Cao Đường làm nơi ở khi mới đến
Rời về đất Hạ Hộ có nhiều việc làm được dân ngợi ca
Công đức nay còn được nên ở phả ký mọi nhà
Rằng vị tướng họ Triệu có công rất lớn

Dịch thơ

ĐỀN THỜ TRIỆU TRUNG ⁽¹⁾

Phương Nam tìm đến giúp vua Trần
Vì giận quân Minh tàn sát dân
Do Lê ⁽²⁾ trận tiền tên bão táp
Hành Nhân ⁽³⁾ đao kiếm giữa ngàn quân ⁽⁴⁾
Cao Đường nhà cũ khi vừa đến
Hạ Hộ ⁽⁵⁾ giúp đời việc nghĩa ân
Thường thấy tư gia ghi phả tích
Triệu tướng quân xưa vị công thân

Dương Văn Vượng dịch

- (1) Thời Trần chống Nguyên - Mông lần 2. Trong quân đội của Trần Nhật Duật lại có nhiều binh sỹ nhà Tống. Khi đóng quân ở Tuyên Quang, Nhật Duật thu nhận họ. Họ là những người mong muốn được đánh quân Nguyên. Khi sang Đại Việt họ kể vai với quân dân ta chống kẻ thù chung. Trong đó có Triệu Trung làm gia tướng của Trần Nhật Duật. Đã chiến đấu dũng cảm ở cửa Hàm Tử, lập công lớn.
- (2) Do Lê: (Kim Bảng) Hà Nam
- (3) Hành Nhân: (cự Nhân) Mĩ Thành, Mĩ Lộc, Nam Định
- (4) Cao Đường: (Cao dãi) Mĩ Lộc
- (5) Hạ Hộ: (Liên Thôn) Mĩ Thành - Mĩ Lộc

鬼门关

北人曾号鬼门关
已识安临受厚颜
瘴气鸢飞高亦死
兽心城隐避犹难
南溟别占称臣辅
越海从前愿据安
题此恭蒙天眼顾
勿求广界必无还

QUỶ MÔN QUAN

Bác nhân tăng hiệu Quỷ Môn quan
Dĩ thức an lâm thụ hậu nhan
Chương khí diên phi cao diệc tử
Thú tâm thành ẩn tị do nan
Nam minh biệt chiếm xung thân phụ
Việt hải tòng tiền nguyện cứ an
Đề thử cung mông thiên nhãn cố
Vật cầu quảng giới tất vô hoàn

Dịch nghĩa

ÁI QUỶ MÔN

Người phương Bắc từng gọi nơi đây là cửa ái quỷ⁽¹⁾
Đã biết được như vậy còn đến làm chi mà chịu nặng đòn

Khi núi độc địa bốc lên, làm cho điều hâu bay cao mà cũng chết⁽²⁾

Lòng kẻ rợ mọi hung hãn, ẩn thân trong thành vẫn còn sợ nạn⁽³⁾
Tại cõi nam riêng một vùng đã xung thân nộp cống
Từ trước đất Việt này chỉ mong điều yên ổn
Đề mấy chữ nơi đây mong mắt thiên triều ngoảnh lại
Đừng nghĩ mở rộng đất đai làm gì, kéo sẽ không về được.

Dịch thơ

ÁI QUỶ MÔN

Người phương Bắc gọi đây cửa quỷ⁽¹⁾
Biết vậy còn đến thí mạng sao
Chim cao, chương khí lân nhào⁽²⁾
Rợ hung, thành ẩn thế nào cho yên⁽³⁾
Trời nam riêng xung thân nộp cống
Đất Việt này mong sống thái bình
Chữ đề, ngoảnh lại cho tinh
Chớ tham mở đất, bỏ mình nơi đây

Hoàng Giang Phú dịch

- (1) Phương ngữ có câu: “Quý môn quan thập nhân khứ, nhất nhân hoàn (ái quỷ môn mười người đi, một người về). Người Trung Quốc nói đi đánh Việt Nam mười phần đi chỉ có một phần về, ái thuộc đất Lạng Sơn giáp nước Trung Quốc.
- (2) Trong tờ tâu của Cao Biền về với vua Đường có nói ở phương Nam khí độc ngàn trùng. Con điều hâu bay cao cũng bị nhiễm độc tự gây cánh rơi xuống chết.
- (3) Sứ của tổng binh Trương Phụ gửi về nước Minh nói: “Dân Nam là kẻ mọi rợ, hung hãn. Chúng ngu không mừng mãn, lùi ở rừng như con sóc, bắt thần xuất hiện. Dù ta ở trong đôn lũy cũng vẫn bị chúng quấy phá, đánh úp.

天关江

此号天关果不讹
有名其始自谁耶
水千重浪船难度
山百峰拦马苦过
明贼几番馀骨落
唐人二道弃军多
日升犹见魔风往
颈冷安留玩月花

THIÊN QUAN GIANG

Thử hiệu Thiên Quan quả bất ngoa
Hữu danh kỳ thủy tự thù da?
Thùy thiên trùng lãng thuyền nan độ
Sơn bách phong lan mã khổ qua
Minh tặc kỷ phiên dư cốt lạc
Đường nhân nhị đạo khí quân đa
Nhật thăng do kiến ma phong vãng
Cảnh lãnh an lưu ngoạn nguyệt hoa

Dịch nghĩa

SÔNG THIÊN QUAN

Nơi đây gọi là cửa ải của trời thật chẳng ngoa

Chẳng rõ cái tên này do ai đặt ra ban đầu
Ngọn nước ngàn trùng sóng gió thuyền khó qua nổi
Trăm núi dâng ra ngăn trở, ngựa vượt sao đây
Giặc Minh bao phen thất bại để rơi xương lại
Thời Đường hai đạo quân thua lớn bại binh nhiều (2)
Khi mặt trời lên rồi mà trận gió ma quỷ vẫn còn phảng phất
Muốn dừng lại thưởng ngoạn gió trăng nhưng lạnh gáy mà
không dừng được

Dịch thơ

SÔNG THIÊN QUAN (1)

Thiên quan cửa ải thật không ngoa
Chẳng biết tên này ai đặt ra
Sóng dữ thuyền bè sao vượt nổi
Núi ngàn găn dựng ngựa khó qua
Giặc Minh thất bại rơi xương lại
Thời Đường tan tác đạo quân tà (2)
Trời còn phảng phất hồn ma quỷ
Qua đây ai dám thưởng trăng hoa

Hoàng Giang Phú dịch

-
- (1) Tương truyền xưa có đạo quân Mộc Thạch đời Minh bại trận chết nhiều. Một số sống sót không về nước, mà ở lại hai bờ. Họ cùng nhau dựng đền thờ hãy còn dấu vết.
- (2) Thời Đường có tướng Nguyễn Duy Lương, tả tiên phong của Phùng Hưng đánh bại hai đạo quân Tàu là Tiền Khởi Nguyên và Thái Phúc. Đền Đuan Vỹ xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm xưa thờ tướng Nguyễn Duy Lương.

夜宿陶娘庙因作诗一律

不如梁氏开茶肆
而用歌声聚众来
妙计结囊丢水礼
巧将美色溺人怀
盛时小女能当险
否运良臣易去埋
才浅我今难运算
欲支大厦日居兑

DA TÚC ĐÀN MUƠNG MIẾU
NHÂN TÚC THI NHẤT LUẬT

Bất như Lương thị khai trừ trà tứ
Nhi dụng ca thanh tụ chúng lai
Diệu kế kết nang du thủy lý
Xảo tương mỹ sắc mịch nhân hoài
Thịnh thời tiểu nữ năng đương hiểm
Bĩ vận lương thần dị khứ mai
Tài thiên ngã kim nan viễn toán
Dục chi đại hạ nhật cư đài

Dịch nghĩa

ĐÊM TRÚ Ở MIẾU ĐÀO NƯƠNG VIẾT MỘT BÀI

Không giống như họ Lương mở quán bán trà

Mà dùng tiếng hát để tụ tập nhiều người
Kế hay thất túi quảng luôn xuống nước
Khéo đem sắc đẹp làm đắm đuối lòng người
Lúc thịnh thế thì cô gái nhỏ cũng dám đương việc nguy hiểm
Khi bĩ cực thì bậc quan giỏi cũng tìm lối lánh đi
Tài tôi kém cỏi thật khó lo việc xa xôi
Muốn chống chọi cho ngôi nhà lớn khỏi đổ, nhưng trời
đã trở về chiều

Dịch thơ

ĐÊM TRÚ Ở MIẾU ĐÀO NƯƠNG VIẾT MỘT BÀI (1)

Khác bà Lương, mở hàng bán quán
Mà hát ca hội toán quân gian
Sắc tài rử giặc, an toàn
Diệu kế, thất túi thả làn trôi sông
Gái lúc thịnh thành công bước hiểm
Thời bĩ suy, quan biến nơi nào
Tài hèn tôi biết tính sao
Ngôi nhà xiêu mái, tuổi cao xế chiều

Dương Văn Vượng dịch

(1) Đào Nương: Tức Đào Thị Huệ quê ở thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Bà là người có sắc đẹp hát hay. Năm Thi Huệ 18 tuổi từng dùng ca hát mời giặc ăn uống rồi lừa khi giặc Minh rúc vào bao gai ngủ thất túi lại quảng ra sông cái cho trôi đi, dân thấy lính mất mà không rõ lý do cho là có thần làm hại nên chúng rời khỏi quê hương bà. nên cả vùng đều đội ơn lập đền thờ, được Lê Thái Tổ phong là Bảo cảnh thành hoàng. có hội làng từ 1- 6 tháng 2 âm lịch hàng năm. Nguyên chú: Tôi đi đốc lương thảo bị sốt phải vào miếu trú tạm.

纯真渡

谱言陈末邓平章
与父常过冒雪霜
生作男儿除北贼
死留英气镇南疆
钟溪聚义人碑在
鸿岭招兵石记详
今度此江闻故事
请将心事对纯乡

THUẦN CHÂN ĐỘ

Phả ngôn Trần mạt Đặng bình chương
Dư phụ đồng qua mạo tuyết sương
Sinh tác nam nhi trừ Bắc tặc
Tử lưu anh khí trấn Nam cương
Chung kê tụ nghĩa nhân bi tại
Hồng lĩnh chiêu binh thạch ký tường
Kim độ thử giang văn cố sự
Thỉnh tương tâm sự đối Thuận hương

Dịch nghĩa

BẾN ĐÒ THUẦN CHÂN

Trong phả viết thời Trần Mạt có quan Bình chương họ Đặng
Thường cùng cha (Đặng Tất) gọi sương gió qua đây
Sinh ra đáng nam nhi phải trừ giặc Bắc
Chết rồi khí phách anh hùng vẫn trấn giữ cõi nam
Tụ nghĩa ở khe Chuông miệng bia ghi đề
Chiêu binh nơi Hồng Lĩnh hãy còn bia đã chép
Tôi vượt sông này nhân nghe việc cũ
Xin giải tỏ tấm lòng yêu mến với mảnh đất Thuận

Dịch thơ

BẾN ĐÒ THUẦN CHÂN⁽¹⁾

Cuối Trần phả chép Đặng Bình Chương⁽²⁾
Đây chốn cùng cha gọi tuyết sương
Giết giặc xông pha trai quyết tử
Thác rồi anh khí trấn Nam Cương⁽³⁾
Khe Chuông tụ nghĩa lòng dân nhớ
Hồng Lĩnh chiêu binh bia mãi tường
Tôi vượt sông này nghe việc cũ
Tỏ bày yêu kính đất Thuận Hương

Dương Văn Vượng dịch

(1) + (2): Tại (đất) bến đò Thuận Chân xưa có đền thờ tướng Đặng Tất và con là quan Bình Chương Đặng Dung thời Trần đầu thế kỷ thứ XV. Ông Đặng vốn quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh. Nay có hai đền chính là ở quê và thôn Ngọc Chân xã Yên Tự - Ý Yên - Nam Định.

(3) Nam Cương: Biên cương phía Nam.

人见

壶中高阜一山亭
隐约林间雾作屏
雨水半天师叶上
头闻落氏掷钱鸣
闲翁安卧何忧事
紫阁权居出纵情
见者皆言余有者
丝缠万绪解无灵

NHÂN KIẾN

Hồ trung cao phụ nhất sơn đình
Ẩn ước lâm gian vụ tác bình
Vũ thủy bán thiên sư diệp thượng
Đầu văn lạc ngoã trịch tiền minh
Nhàn ông an ngoạ hà ưu sự
Tử các quyền cư xuất tủng tình
Kiến giả giai ngôn dư hữu giả
Ty triển vạn tự giải vô linh

Dịch nghĩa

NGƯỜI THẤY

Trên gò đất trong hồ có một ngôi đình bên núi
Tháp thoáng hiện trong rừng cây, mây mù dang kín làm màn
Mưa từ lưng trời rơi xuống, sàng trên mặt lá
Cũng đang dội xuống ngói vang vào trong đầu nặng như
tiếng gieo tiền
Ông yên ổn nhàn hạp nằm dài có việc gì phải lo âu
Kẻ có quyền ở nơi gác tía, chắc còn lăm trờ đủ đờn
Người ta từ ngoài trông vào tưởng ta cũng thế
Thực ra trong tâm ta muôn mối tơ vò, càng cời càng thấy
ghè sợ

Dịch thơ

NGƯỜI THẤY⁽¹⁾

Trên hồ gò đất có sơn đình
Tháp thoáng trong cây mây rủ幔
Mưa tự nửa trời sàng lá biếc
Gieo đầu mái ngói tiếng tiền xanh
An nhàn ông lớn lo chi nữa
Quyền quý ngôi oai đủ lăm hình
Họ thấy tưởng rằng ta cũng thế
Tơ vò muôn mối cời thêm kinh

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Nguyên chú: Tôi đến Sài Sơn, gặp trời mưa ngụ lại ở trong một cái đình giữa đầm nước trong rừng cây chân núi Lê Hoa, gặp trời mưa phải ngụ lại hai ngày.

报应

谋事从来语在人
明公心地至恩勤
丁皇若识先放变
梨主何方後篡君
龙钺暴残难取业
芦都严谨易更新
佛王早占天机转
报应诚然有怨恩

BÁO ÚNG

Mưu sự tông lai ngữ tại nhân
Minh Công tâm địa chí ân cần
Đinh Hoàng nhược thức tiên phòng biến
Lê chủ hà phương hậu thoán quân
Long Việt bạo tàn nan thử nghiệp
Lư đô nghiêm cẩn dị canh tân
Phật vương tảo chiếm thiên cơ chuyển
Báo ứng thành nhiên hữu oán ân

Dịch nghĩa

BÁO ÚNG

Thường có câu:

Xưa nay lo việc đều do con người
Tâm trí, tài cán của Trần Minh Công quả là hơn người
Đinh Tiên Hoàng nếu biết lo đề phòng khi biến
Thì Lê Hoàn đâu có lối để cướp ngôi Vua
Lê Long Việt thì sống tàn bạo, sao mà giữ nổi cơ đồ
Thành Hoa Lư đã đổi khác xưa mất rồi
Lý Công Uẩn đã nắm được cơ trời vận nước
Báo ứng việc oán ân là lẽ đương nhiên trên trời

Dịch thơ

BÁO ÚNG

Lo việc xưa nay nói tại người
Minh Công rào đón thật hơn đời
Đinh Hoàng nếu biết phòng khi biến
Lê chủ còn đâu lối cướp ngôi
Long Việt bạo tàn hòng giữ nghiệp
Lư thành tan tác khác xưa rồi
Phật Vương nắm lấy cơ trời đổi
Ân oán vẫn xoay đáng sợ ời!

Dương Văn Vượng dịch

椅元妃

土磊何灵出此人
圣宗初遇已昏沉
同居帝室九馀夏
擅作威权四十春
皇后泉间犹饮恨
李公义镇岂忘恩
济贫除祸能留德
百簇禅关亦未神

Ý LAN NGUYÊN PHI

Thổ Lôi hà linh xuất tử nhân
Thánh Tông sơ ngộ dĩ hôn trầm
Đồng cư đế thất cử dư hạ
Thiện tác uy quyền tứ thập xuân
Hoàng hậu tuyền gian do ảm hận
Lý Công nghệ trấn khởi vong ân
Tế bản trừ họa năng lưu đức
Bách thốc thiên quan diệc vị thần

Dịch nghĩa

NGUYÊN PHI Ý LAN

Đất Thổ Lôi linh thiêng thế nào lại sinh ra bậc người này

Khi vua Thánh Tông mới gặp mà say đắm
Người ở cùng vua chỉ qua chùng chín mùa hè
Còn uy quyền thì gìn giữ được tới bốn mươi năm
Hoàng hậu ở chốn tuyền đài vẫn còn ôm mối hận
Ông họ Lý trấn thủ Nghệ An sao quên được nghĩa ân
Cứu nghèo, giải nguy để lại nhiều công đức
Nhưng còn trăm cửa Thiên thì chưa phải là bậc thần minh

Dịch thơ

NGUYÊN PHI Ý LAN⁽¹⁾

Thổ Lôi linh ư? sinh mỹ nhân
Thánh Tông thoáng gặp đã ân cần
Nàng về cùng vua chín mùa hạ
Gìn giữ quyền uy bốn chục xuân
Hoàng hậu chốn tuyền ôm mối hận
Lý Công xứ Nghệ⁽²⁾ thăm nghĩa nhân
Giải khốn cứu nghèo lưu ân huệ
Nhưng cửa Phật nhiều, đâu minh thần?⁽³⁾

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Dương Hoàng Hậu vợ vua Lý Thánh Tông có người con định xin Lý Đạo Thành cho con nối ngôi. Nhưng Đạo Thành nhận di chiếu của Thánh Tông cho con bà Ý Lan nối ngôi. Khi Thánh Tông mất, bà buông rèm làm việc nước, bà Ý Lan đã thăm ý đem nhốt vợ Thánh Tông (Dương hoàng hậu) vào ngục.

(2) Lý Công xứ Nghệ tức Lý Đạo Thành

(3) Phê phán Nguyên phi Ý Lan quá sùng đạo Phật. Sử ghi lại Nguyên phi từng cho xây bảy mươi hai ngôi chùa.

安固邑

亡家失国恨难消
天地苍茫若问挑
戍满蒙恩来海角
贫居垦土种禾苗
相亲会力开新邑
聚首同心望旧僚
前日传闻惟五室
如今茅屋百馀条

AN CỐ ẤP

Vong gia thất quốc hận nan tiêu
Thiên địa thương mang nhược vấn khiêu
Thú mẫn mộng ân lai hải giác
Bản cư khẩn thổ chung hòa miêu
Tương thân hội lực khai tân ấp
Tự thủ đồng tâm vọng cựu liêu
Tiền nhật truyền văn duy ngũ thất
Nhu kim mao ốc bách dư điều

Dịch nghĩa

LÀNG AN CỐ⁽¹⁾

Nỗi hận tan nhà mất nước khó khuây
Trời đất mệnh mông như kêu gọi nỗi buồn rầu
Việc đi thú đã hết, ơn trên cho về nơi góc biển
Cảnh nghèo khẩn đất hòng để cấy lúa
Tương thân góp sức mở mang làng mới
Chạm đầu một lòng nhớ về bạn đồng liêu cũ
Nghe lúc đầu chỉ có năm nhà
Ngày nay đã có hơn trăm ngôi nhà cỏ

Dịch thơ

LÀNG AN CỐ

Tan nhà, mất nước hận buồn đau
Trời đất mệnh mang gọi mối sầu
Mẫn lính ơn trên về góc biển
Cảnh nghèo vỡ đất hạn gieo mau
Tương thân hợp sức dựng làng mới
Sát cánh đồng lòng nhớ bạn đầu
Nghe nói thuở xưa dăm mái cỏ
Mà nay trăm mái sát bên nhau

Dương Văn Vượng dịch

(1) Làng An Cố: Nay thuộc xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
Theo các gia phả các nhà thì dân đây bị nhà Trần bắt về làm nô lệ.

九真赵氏

御北村中传赵氏
继前拒汉号征王
吴兵虽胜神非定
陆将为官气未强
松岭化时风尚烈
茅岗从事义犹扬
每逢二月廿四日
老少齐来顶带香

CỬU CHÂN TRIỆU THỊ

Ngự Bắc thôn trung truyền Triệu thị
Kế tiền cự Hán hiệu Trưng Vương
Ngô binh tuy thắng thần phi định
Lục tướng vì quan khí vị cường
Tùng lĩnh hóa thì phong thượng liệt
Mao cương tông sự nghĩa do đương
Mỗi phùng nhị nguyệt chấp tứ nhật
Lão thiếu tề lai đỉnh đới hương

Dịch nghĩa

HỌ TRIỆU ĐẤT CỬU CHÂN

Trong thôn vẫn còn truyền Bà Triệu chống quân phương Bắc

Đó là nổi chí diệt Hán của Trưng vương
Dù quân Ngô đánh thắng bà mà lòng vẫn hoảng âu lo
Tướng quân họ Lục làm quan đầy nhưng khí lực thì
không khỏe mạnh
Lúc hóa trên núi Tùng, gió dữ dội thét gào
Tại Mao Cương những người đi theo việc nghĩa tiếng
vẫn còn nêu

Tới nay mỗi khi đến ngày 24 tháng 2
Thì già trẻ đều tụ về dâng hương hoa kính lễ

Dịch thơ

HỌ TRIỆU ĐẤT CỬU CHÂN (1)

Chống Ngô, làng nhớ Triệu Trinh Nương
Nổi gót Trưng Vương chí khác thường
Giặc Bắc thắng đầy mà hốt hoảng
Tướng quân họ Lục sức không đương
Tùng sơn nàng hóa gió gào thét
Mao Cương⁽²⁾ người theo nghĩa vẫn trường
Mỗi độ tháng hai ngày hai bốn
Trẻ già về hội lễ dâng hương

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền thờ Triệu Trinh Nương ở đất Hà Trung. Bà Triệu quê ở Nông Cống - Thanh Hóa có chí khí, hoài bão chống giặc ngoại xâm. Bà có câu nói nổi tiếng: "Tôi chỉ muốn cưới cơn gió mạnh, đập luông sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông. Lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, coi ách nô lệ. Chứ đâu chịu khom lưng chịu làm tỳ thiếp cho người".

(2) Trong cuộc chiến chống quân Ngô do thứ sử Giao Châu là Lục Dận chỉ huy, đàn áp. Trước sức mạnh của giặc thế không đương nổi, bà đã chạy lên núi Tùng Sơn tự vẫn.

先帝祠

坐山向水一灵祠
水碧山青百世居
砖瓦目前偏作大
像种宫内别为瞿
问老少时营在此
观田土垒陈予斯
不如初建无碑字
但识乡中有祭厨

TIÊN ĐẾ TỪ

Tọa sơn hướng thủy nhất linh từ
Thủy bích sơn thanh bách thế cư
Chuyên ngôa mục tiên thiên tác đại
Tượng chung cung nội biệt vi cù
Vấn lão thiếu chi doanh tại thử
Quan điền thổ lũy trận vu tư
Bất tri sơ kiến vô bi tự
Đăn thức hương trung hữu tế trừ

Dịch nghĩa

ĐỀN TIÊN ĐẾ

Có ngôi đền thiêng lưng dựa vào núi, mặt trông ra sông
Nước biếc non xanh trăm đời vẫn thế
Gạch ngói nơi đây sao lại to làm vậy
Tượng và chuông ở nội cung cũng lạ lùng sắc thái
Hỏi người bản xứ thì được biết xưa có dinh đóng nơi đây
Còn ngoài đồng kia, lũy đất ấy là nơi ngài tập trận
Đền dựng từ bao giờ mà chẳng có bia chếp
Chỉ biết trong thôn có bếp để hàng năm làm lễ tế trừ⁽²⁾

Dịch thơ

ĐỀN TIÊN ĐẾ⁽¹⁾

Dựa lưng vào núi mặt quay sông
Nước biếc non xanh bốn phía vòng
Gạch ngói hình hài xưa hiếm thấy
Tượng chuông to lớn mấy so cùng
Dinh vua chốn ấy ban đầu ở
Thành đất nơi này tập tiến công
Đền dựng bao giờ không đề chữ
“Tế trừ”⁽²⁾ lễ bái mãi bên đông

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền thờ vua Đinh ở thôn Viễn, nay thuộc xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn - Ninh Bình.

(2) Bếp sửa đồ lễ tế.

过蓝山

曾闻今始得寻来
山亦青蓝自昔时
大将营中榕树覆
诸军垒内夜腾开
千年事业多艰险
十载征诛历苦酸
臣下辛生平治日
仰蒙先帝透诚斋

QUÁ LAM SƠN

Tằng văn kim thủy đắc tâm lai
Sơn diệp thanh lam tử tích thời
Đại tướng doanh trung dung thụ phú
Chư quân lũy nội dạ đằng khai
Thiên niên sự nghiệp đa gian hiểm
Thập tải chinh tru lịch khổ toan
Thần hạ hạnh sinh bình tại nhật
Ngưỡng mộng tiên đế thấu thành trai

Dịch nghĩa

QUA ĐẤT LAM SƠN

Nghe từ lâu rồi, hôm nay mới có dịp tìm tới
Núi vẫn xanh nước biếc như xưa
Tại dinh của tướng quân bóng đa đã che phủ
Còn lũy quân thì cũng chẳng chịt dây leo
Sự nghiệp ngàn năm biết bao gian truân
Trải mười năm đánh dẹp nếm đủ điều cay đắng
Thần phận kẻ hạ thần may được sống dưới thời thịnh trị
Ngóng trông tiên đế xét soi cho tấm lòng thành kính

Dịch thơ

QUA ĐẤT LAM SƠN ⁽¹⁾

Từng nghe nay mới về thăm
Núi xanh dấu tích xa xăm chốn này
Dinh tướng mờ mịt bóng cây
Lũy quân vẫn vít giăng dây giây bao
Trăm năm sự nghiệp gian lao
Mười năm đánh giặc xiết bao phong trần
Hạ thần nay hưởng đức ân
Ngước trông tiên đế muôn phần rạng soi

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Tướng quân, chỉ Lê Lợi, sau xưng Bình Định Vương. Năm 1428 lên ngôi ở Đông Đô. Đặt hiệu là Thuận Thiên. Vua mất ngày 22 tháng tám nhuận, năm Quý Sửu tại Đông Kinh. Quân một tháng rồi rước về chôn ở Vinh Lăng Lam Sơn. Miếu hiệu là Thái Tổ. Nay đền thờ ở Hà Nội vẫn tế lễ vua vào ngày này.

张行遣

古传民奉一勾芒
兼祀张公厌世郎
为上直言临大祸
何劳奉道买高光
劝贫荒地须加垦
教壮闲时起匠庄
今有大亭思德所
年年开会不违常

TRƯƠNG HÀNH KHIỂN

Cổ truyền dân phụng nhất Câu Mang
Kiêm tự Trương công yếm thế lang
Vì vướng trục ngôn lâm đại họa
Hà lao phụng đạo mãi cao quang
Khuyến bản hoang địa tu gia khẩn
Gián tráng nhàn thì khởi tượng trang
Kim hữu đại đình tử đức sở
Niên mên khai hội bất vi thường

Dịch nghĩa

VI HÀNH KHIỂN HỌ TRƯƠNG

- Tích xưa truyền lại chỉ thờ có một vị Câu Mang

Sau còn thờ thêm chàng chán đời họ Trương
Vì chàng dâng lên lời nói thẳng mà mắc phải vạ lớn
Chỉ vì phụng đạo để mua lấy điều lành
Khuyên người nghèo mở mang đất đai hoang hóa
Dạy người khỏe mạnh lúc rỗi nhàn làm nghề thợ mộc
Nay có ngôi đình to là do nhờ ơn đức
Hàng năm mở hội bình thường theo lệ cổ

Dịch thơ

VI HÀNH KHIỂN HỌ TRƯƠNG (1)

Cổ truyền thờ vị Câu Mang
Sau thờ thêm một chàng Trương chán đời
Vạ oan do nói thẳng lời
Chỉ vì phụng đạo lưu người tiếng thơm
Kẻ nghèo khuyến khẩn đất hoang
Dạy trai thợ mộc mở mang tay nghề
Đình to, ân huệ mọi bề
Hàng năm mở hội người về khói hương

Dương Văn Vượng dịch

(1) Trương Hán Siêu (1274-1355) tự là Thăng phủ quê ở làng Phúc Thành, huyện Yên Khánh, nay thuộc thị xã Ninh Bình, học giỏi, thơ văn nổi tiếng được Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn coi như môn khách trong nhà.

Làm quan cho nhà Trần đến chức Hành khiển tá tham tri chính sự, cùng Nguyễn Trung Ngạn soạn bộ hình thư.

Ông là người thẳng thắn, ghét mê tín, không phân biệt đẳng cấp
Trương Hán Siêu nổi tiếng với bài: “Phú sông Bạch Đằng”.

暮泊安登

远帆万里泊安登
西望花京亦近城
大命敢言岚瘴重
微躯安对国君洪
归家鱼父知潮理
来市商人道价增
灶火暮餐三四点
故乡翘首想云中

MỘ BẠC AN ĐĂNG

Viễn phàm vạn lý bạc An Đăng
Tây vọng Hoa bình diệp cận thành
Đại mệnh cảm ngôn lam chướng trọng
Vi khu an đối quốc quân hồng
Quy gia ngư phủ tri triều Lý
Lai thị thương nhân đạo giá tăng
Táo hỏa mộ xan tam tứ điểm
Cố hương kiêu thủ vọng vân trung

Dịch nghĩa

BUỔI CHIỀU ĐỖ THUYỀN Ở BẾN AN ĐĂNG

Cảnh buồm dậm đến đò ở bến An đăng
Nhìn về phương Tây thì cũng gần với kinh đô Hoa Lư
Vì vâng mệnh lớn dám đầu nói phải xông pha vào lam
chướng nặng nề
Tấm thân nhỏ bé sao so được với sự to lớn của quốc quân
Ngư phủ trở về vì biết quy luật của nước triều
Thương nhân bàn tán giá gạo chợ tăng
Bếp chiều đó đây khói điểm
Ngoảnh nhìn về quê cũ tận mây xa

Dịch thơ

BUỔI CHIỀU ĐỖ THUYỀN Ở BẾN AN ĐĂNG (1)

Thuyền xa đậu bến An đăng
Gần trời Tây cũng là miền Hoa Kinh
Vâng mệnh, lam chướng quên mình
Tấm thân đâu sánh ân tình quân vương
Về thôi ngư phủ nước cường
Thương lái rằng gạo thất thường đắt thay
Bếp chiều vương khói đó đây
Nhìn về quê cũ dáng mây xa vời

Hoàng Giang Phú dịch

(1) An Đăng: Nay là miền đất phía Đông thị xã Ninh Bình.

神浮海口

誓闻前生几世修
春天今日敢来斯
白波欲倒为鱼饵
碧石将投破小舟
黑气四边如盖幕
族风两到作尖戈
仰蒙圣祖云中济
难语重观访旧游

THẦN PHÙ HẢI KHẨU

Thí vấn tiền sinh kỷ thế tu
Xuân thiên kim nhật cảm lại tư
Bạch loa dục đảo vi ngư nhĩ
Bích thạch tương đầu phá tiểu chu
Mắc khi tứ biên như cái mạc
Toàn phong lưỡng đảo tác tiêm thù
Ngưỡng môn thánh tổ vân trung tế
Nan ngữ trùng quan phỏng cựu du

Dịch nghĩa

CỬA BIỂN THẦN PHÙ

- Chẳng biết đời xưa tôi đã tu được bao nhiêu kiếp vận

Nhưng nay xuân này vẫn dám bước tới nơi đây
Từng trận sóng bạc đầu như muốn giạt quãng thân ta
vào miệng cá

Tảng đá xanh tương chùng lao tan thuyền nhỏ bé
Mây khói mịt mù bốn mặt trùm che
Hai bên gió xoáy buốt căm như dùi vào da thịt
Vái trời khấn tổ rủ lòng phù hộ
Khó nói với ai lần sau đi thăm, lại gặp bước đi lần trước

Dịch thơ

CỬA BIỂN THẦN PHÙ (1)

Đời xưa tu mấy kiếp rồi(2)
Mà nay dám tới bên trời du xuân
Đá xanh muốn ném thuyền tan
Sóng bạc chùng nhấn miệng gan cá kinh
Gió xoáy chọc da như đinh
Khói mây mù mịt quanh mình tựa đêm
Cầu Trời Phật cứu tôi lên(3)
Ai sau liệu có chí bền vượt qua

Dương Văn Vượng dịch

(1) Thần phù: Cửa biển xa xưa có nhiều sóng dữ. Thời kỳ này Dương Ban Bồn phụng mệnh đi xem hình thế bờ biển.

(2) Tác giả nói ý câu ca cổ: "Lệnh đênh qua cửa Thần Phù. Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm"

(3) Khấn tổ: Tức tổ Nguyễn Minh Không quê ở Diêm Xá, Gia Viễn, Ninh Bình.

夜度龙江

几番来往度龙江
夜雨登舟甚是惶
盗妇善心陈素事
北风吹棹送南乡
初临堤路闻追踵
即入禾间避贼创
恶兽未曾如此者
又思家里犬清良

ĐẠ ĐỘ LONG GIANG

Kỷ phiên lai vãng độ Long giang
Đạ nữ dăng chu thậm thị hoàng
Đạo phụ thiện tâm trần tố sự
Bắc phong suy trạo tống Nam hương
Sơ lâm đề lộ văn truy chủng
Tức nhập hòa gian tị tặc sang
ác thú vị tàng như thú giả
Hựu tư gia lý khuyến tình lương

Dịch nghĩa

ĐÊM VƯỢT SÔNG LONG ⁽¹⁾

Bao nhiêu lần qua lại bến sông Long
Đêm mưa này lên thuyền thật hú vía
Vợ tên cướp lòng lành đã giải bày việc vẫn xảy ra nơi đây
Gió bắc đưa nhanh con đò vượt bến phía thôn nam
Vừa bước lên đê thì nghe có tiếng chân chạy đuổi gáp
Bèn dùm vội ẩn vào ruộng lúa để tránh mũi thương của cướp
Loài thú dữ cũng không tàn bạo thế
Chợ nhớ tới con chó ở nhà, quyến luyến chủ tỏ tình chân thực

Dịch thơ

ĐÊM VƯỢT SÔNG LONG ⁽¹⁾

Mấy lần qua lại bến sông Long
Thuyền tới mưa đêm sợ thót lòng
Vợ cướp thiện tâm bày ý tốt
Thôn nam, gió thuận mau qua sông
Lên đê vài bước nghe chân đuổi
Né vội bên đường ngọn giáo đâm
Loài thú cũng không tàn bạo thế
Nhớ nhà con chó luyến tình thâm

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Sông Long: ông Chàng Long, tức sông Mã.
Nguyên chú: Tác giả di kinh lý phương Nam.

朝谒山神庙

山水中间有一祠
船来问事献香炉
家情知是迁居急
国运诚为束手诸
吞石波临青鸟至
秋风北集黑云飞
难留旁贤诸禅寺
欲学陶公泛五湖

TRIỆU YẾT SƠN THẦN MIẾU

Sơn Thủy trung gian hữu nhất từ
Thuyền lai vấn sự hiến hương lư
Gia tình tri thị thiên cư cấp
Quốc vận thành vi thúc thủ chư
Thôn thạch ba lâm thanh điều chí
Thu phong bắc tập hắc vân phi
Nan lưu hùng lâm chư thiền tự
Dục học Đào công phiếm ngũ hồ

Dịch nghĩa

BUỔI SÁNG ĐẾN LỄ Ở MIẾU SƠN THẦN

Trong núi Non Nước có một ngôi đền
Đi thuyền đến dâng lò nhang để hỏi việc
Thì hay nhà cần phải chuyển dời đi nơi khác
Còn đối với việc nước thì tài cán mình phải bó tay
Nước vỗ vào đá lúc tới lúc lui, lại thấy cánh chim xanh
bay về

Gió thu tràn về, mây đen kịt
Khó có thể dừng lại để đi xem chùa khác
Muốn bắt chước học ông Đào đi chơi cảnh Ngũ Hồ.

Dịch thơ

BUỔI SÁNG ĐẾN LỄ Ở MIẾU SƠN THẦN (1)

Núi Non Nước ngôi đền nằm đó
Thuyền dâng hương xin tỏ việc đời
Thì hay nhà phải xa dời
Việc nước tài kém vãi trời bó tay
Sóng vỗ đá chim bay về đổ
Gió thu gào trời xổ mây đen
Khó dừng thăm viếng chùa bên
Học Đào Công muốn dạo trên Ngũ Hồ

Hoàng Giang Phú dịch

(1) Đền Tam Phủ giáp mé nước sông Đáy. Đền dựng từ thời Lý. Có văn bia để thơ của Trương Hán Siêu thời Trần.